

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 158/2017/HSST
Ngày 28-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim San
2. Ông Trần Đăng Khoa.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 155/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn A (tên gọi khác Phạm Ngọc A, Phạm Công A), sinh năm 1977 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn Minh H3, xã Nghĩa L1, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 04/12; con ông Phạm Ngọc T3, sinh năm 1947 và bà Trần Thị M, sinh năm 1950; có vợ là Trần Thị T4, sinh năm 1980; có 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú từ ngày 10/7/2017, tạm giữ từ ngày 11/7/2017, đến ngày 20/7/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. Đoàn Hồng V, sinh năm 1976 tại Hải Phòng; ĐKKHKT: Cụm 2, tổ dân phố HL, thị trấn CL, huyện C, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Số 115/1071 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐH 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/12; con ông Đoàn Hồng B1(đã chết) và bà Đoàn Thị T5, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị T6, sinh năm 1971; có 01 con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 11/7/2017, tạm giữ từ ngày 11/7/2017, đến ngày 20/7/2017 chuyển sang tạm giam. Có mặt.

3. Trần Hữu T, sinh năm 1982 tại Hải Phòng; trú tại: Tổ 28, cụm 4, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/12; con ông Trần Hữu T7, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; có vợ là Bùi Thị M1, sinh năm 1986; có 01 sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án:

- Bản án số 169/2014/HSST ngày 23/9/2014, Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chưa được xóa án tích).

Bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 23/7/2017 đến ngày 28/7/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

4. Đàm Minh T1, sinh năm 1965 tại Hải Phòng; trú tại: Số 43/2/69B MHX, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/10; con ông Đàm Văn K1 (đã chết) và bà Đinh Thị D, sinh năm 1936; có vợ là Trần Thị D1, sinh năm 1970; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 02/7/2017, tạm giữ từ ngày 03/7/2017 đến ngày 12/7/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

5. Nguyễn Tuấn A1, sinh năm 1970 tại Hải Phòng; trú tại: Số 11/67/152 CH, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị N (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 02/7/2017, tạm giữ từ ngày 03/7/2017 đến ngày 12/7/2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

Người bị hại:

- Anh **Ngô Xuân K**, sinh năm 1992, trú tại: Số 23/2/319 ĐN, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1983, trú tại: Số 10 NVL, phường ĐH, quận LC, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Anh **Đỗ Mạnh H1**, sinh năm 1986, trú tại: Số 77/333 VC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

- Anh **Trần Thanh B**, sinh năm 1977, trú tại: Số 1/VT6 PL, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Duy H2**, sinh năm 1987, trú tại: Thôn NC, xã TH, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Chị **Đồng Đồng Y**, sinh ngày 25/11/1999, trú tại: Số 523 đường ĐH, VD, phường ĐH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Anh **Vũ Văn T2**, sinh năm 1986, trú tại: Khu dân phố LK 2, phường TC, quận HA, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Phạm Văn A, Đoàn Hồng V, Trần Hữu T, Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Trong tháng 5 và tháng 6 năm 2017, Phạm Văn A nhiều lần dùng xe mô tô chở Đoàn Hồng V, Trần Hữu T đi trộm cắp tài sản. Văn A là người cảnh giới để V, T dùng vạm phá khóa mang theo lấy trộm xe. Sau khi lấy trộm xe mô tô, Văn A gọi

điện thoại liên lạc và bán xe cho Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 để lấy tiền chia nhau. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ, ngày 05/5/2017, Phạm Văn A chở Đoàn Hồng V đến Công ty cổ phần một thành viên DAP - VINACHEM ở ĐH 2, HA, Hải Phòng. Phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 15B1- 417.16 của anh Vũ Văn T2, sinh năm 1986, ở LK 2, phường TC, quận HA, thành phố Hải Phòng dựng ở cửa nhà điều hành, dưới hầm đường băng chuyển không ai trông giữ. Văn A dùng xe cảnh giới, V dùng vạm phá khóa mang theo phá ổ khóa điện lấy chiếc xe trên. Sau khi lấy được xe Phạm Văn A thay biển kiểm soát giả 15B1- 393.86 để sử dụng hàng ngày.

Vụ thứ hai: Khoảng 02h, ngày 06/6/2017, Phạm Văn A chở Trần Hữu T đi ra đường Đình Vũ vào Công ty cổ phần vận tải biển VinaShip, phường ĐH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng. Anh đứng ngoài cảnh giới để Tuyến đi vào khu vực nhà xe, dùng vạm phá khóa mang theo mở khóa điện, lấy xe Nouvo LX màu xanh đen, biển kiểm soát 15N1- 090.08 của anh Phạm Văn H, sinh năm 1983, trú tại số 10 NVL, phường ĐH, quận LC, thành phố Hải Phòng. Sau khi lấy được xe, Tuyến và Anh đi về đình Dư Hàng gần hồ ông Báo bán cho Đàm Minh T1 được 2.000.000đ. Trước đó Đàm Minh T1 đã bàn với Nguyễn Tuấn A1 tìm xe do người khác phạm tội mà có mua để bán kiếm lời. T1 và Tuấn A1 thống nhất: T1 chủ động tìm mua xe và tìm người bán, Tuấn A1 là người cung cấp tiền và địa điểm để cất giấu xe, tiền lãi sẽ chia đôi. Vì vậy khi Phạm Văn A gọi điện gạ bán xe, T1 đồng ý và vào nhà Tuấn A1 lấy 2.000.000đ ra mua xe của Văn A và Tuyến. Sau khi mua được xe, T1 mang xe về giao lại cho Nguyễn Tuấn A1, Tuấn A1 thay biển kiểm soát 15B1- 430.05 để sử dụng. Số tiền bán xe Văn A và Tuyến chia nhau mỗi người 1.000.000đ. Trước khi về, Phạm Văn A dặn Tuyến nếu lấy được xe gọi cho Văn A để tiêu thụ giúp Tuyến.

Vụ thứ ba: Khoảng 03 giờ ngày 09/6/2017, Văn A chở V đến khu vực bãi xe Hà Anh 2 thuộc phường ĐH 2, quận HA. Phát hiện nhà xe của công ty dựng nhiều xe mô tô, V và Văn A sử dụng kim cắt hàng rào sắt B40 chui vào, V dùng vạm phá ổ khóa xe Airblade màu xanh bạc đen biển kiểm soát 15D1-182.41 của anh Nguyễn Duy H2, sinh năm 1987, ở TH, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Sau khi lấy được xe, Văn A gọi điện cho T1 đến khu vực hồ ông Báo bán cho T1 được 8.000.000đ. T1 mang xe về giao cho Tuấn A1, Tuấn A1 thay biển kiểm soát giả 15B2-129.09, sau đó T1 bán cho Hà Thị AT (sinh năm 1983, ở 73 chợ Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng) được 10.000.000đ, số tiền lãi Tuấn A1 và T1 chia nhau mỗi người 1.000.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 20h ngày 11/6/2017, Tuyến đi bộ ra khu nhà trọ ở cụm 4, tổ 28, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Phát hiện trong sân có xe mô tô Airblade, màu sơn xám đen biển kiểm soát 15B1- 430.05 của anh Ngô Xuân K (sinh năm 1992, ở 23/2/319 ĐN, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng) không người trông giữ. Do được Văn A hứa hẹn sẽ tiêu thụ xe nên Tuyến nảy sinh ý định trộm cắp. Tuyến dùng tay kéo dây điện ở cổ xe rồi dùng bật lửa đốt phần vỏ nhựa đầu nối lõi đồng lại và nổ máy chạy đi. Tuyến gọi điện cho Văn A nhờ bán

xe. Văn A mua xe của Tuyển với giá 5.000.000đ rồi mang đến khu vực đình Du Hàng bán cho T1 được 8.500.000đ. T1 mang xe về cho Tuấn A1, Tuấn A1 thay biển kiểm soát giả 15B2- 568.68 cất giấu. Sau đó T1 bán lại cho Hà Thị AT được 9.500.000đ. Số tiền lãi, Tuấn A1 và T1 chia nhau mỗi người 500.000đ.

Vụ thứ năm:

Khoảng 19h30 ngày 17/6/2017, Văn A chở V đi qua số nhà 523 VD, phường DH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng. Phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Bosscity dán tem Sirius biển kiểm soát 15AA- 019.60 của chị Đồng Hồng Y dựng ở cửa nhà không ai trông giữ, Anh dùng xe để V đi vào dùng vạm phá ổ khóa điện lấy xe, rồi cùng nhau mang về bán cho Đàm Minh T1 được 2.000.000đ chia nhau mỗi người 1.000.000đ. T1 mang xe về giao lại cho Nguyễn Tuấn A1 cất giấu.

Vụ thứ sáu:

Khoảng 01 giờ ngày 22/6/2017, Văn A cùng V đi ra khu vực cổng chào khu công nghiệp Đình Vũ đang xây dựng ở phường DH 2, quận HA. Phát hiện bên ngoài lán nghỉ của công nhân có dựng chiếc xe mô tô Wave RSX màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 34P8-1641 của anh Trần Thanh B (sinh năm 1977, ở số 1/VT6 PL, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng) không người trông giữ. Anh đi vào dắt xe ra ngoài để V dùng vạm phá khóa mở khóa điện lấy chiếc xe trên. Sau khi lấy được xe, Anh gọi điện cho Đàm Minh T1, cả hai mang xe đến khu vực hồ ông Báo bán cho T1 được 2.000.000đ. T1 mang xe về nhà Nguyễn Tuấn A1 cất giấu. Số tiền bán xe, Anh và V chia nhau mỗi người 1.000.000đ.

Vụ thứ bảy:

Sau khi bán được xe Wave RSX, khoảng 03 giờ ngày 22/6/2017, Anh và V tiếp tục quay lại khu vực trạm cân 120 tấn Quảng Đông 2, Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường DH 2, quận HA. Phát hiện trong lán gần căng tin có dựng xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Gravita biển kiểm soát 15F1- 053.54 của anh Đỗ Mạnh H1 (sinh 1986, ở 77/333 VC, phường DG, quận NQ, thành phố Hải Phòng). Văn A đứng ngoài cảnh giới để V dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện và lấy xe. Văn A mang xe về bán cho Đàm Minh T1 được 4.000.000đ chia nhau mỗi người 2.000.000đ tiêu xài, T1 mang xe về nhà Nguyễn Tuấn A1 cất giấu.

Ngày 02/7/2017, Nguyễn Tuấn A1, Đàm Minh T1 đến cơ quan công an đầu thú, Tuấn A1 giao nộp xe Nouvo LX màu xanh của anh Phạm Văn H, gắn biển kiểm soát giả 15B1-430.05. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 xe mô tô Air Blade Hà Thị AT mua của Đàm Minh T1, Nguyễn Tuấn A1, đây là các xe mô tô của anh Nguyễn Duy H2 và anh Ngô Xuân K.

Ngày 10/7/2017, Phạm Văn A đến cơ quan công an đầu thú giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Vision của anh Vũ Văn T2, xe gắn biển kiểm soát 15B1- 393.86 cùng đăng ký xe mang tên Trương Văn C1.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Tuấn A1, Cơ quan điều tra thu giữ 06 xe mô tô gồm: Xe Yamaha màu đen biển kiểm soát 16K4-5333, xe wave màu xanh biển kiểm soát 15N1-090.08, xe wave màu xanh biển kiểm soát 17F9-3451, xe

Yamaha màu đỏ đen biển kiểm soát 15F1-053.54, xe Bosscity biển kiểm soát 15AA-019.60, xe wave RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 34P8-1641. Trong đó:

- 03 xe mô tô do Tuấn A1 cùng T1 mua của Phạm Văn A trong các vụ án nêu trên gồm: Xe Yamaha màu đỏ đen biển kiểm soát 15F1-053.54 của anh Đỗ Mạnh H1, xe Bosscity biển kiểm soát 15AA-019.60 của chị Đồng Hồng Yên, xe wave RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 34P8-1641 của anh Trần Thanh B.

- 03 xe mô tô còn lại không thuộc các vụ án nêu trên. Quá trình điều tra xác định được như sau:

- + Xe mô tô Yamaha màu đen BKS 16K4-5333, T1 khai Tuấn A1 đưa tiền để T1 mua của Văn A với giá 3.000.000đ. Sau khi mua xe Tuấn A1 thay biển kiểm soát giả và cất giấu ở nhà. Tuấn A1 và T1 đều nhận thức được xe do phạm tội mà có. Văn A và V khai không lấy trộm chiếc xe trên và không bán xe cho T1 vì Văn A và V chỉ lấy trộm xe ở địa bàn phường ĐH 2, quận HA. Quá trình điều tra xác định xe có biển kiểm soát thật là 16N6- 8483 của anh Hoàng Hải N1 (sinh năm 1996, ở thôn 9, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng), anh N1 bị mất xe hồi 12h 30' ngày 16/6/2017 tại khu D56, phường Đồng Quốc Bình, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

- + 02 xe mô tô xe wave màu xanh biển kiểm soát 15N1-090.08 và biển kiểm soát 17F9-3451, Tuấn A1 khai mua của hai thanh niên lạ mặt tại quán game bắn cá ở xóm 8, đường MHX, quận LC, thành phố Hải Phòng. Hai thanh niên này do thua tiền bắn cá nên cầm cố cho Tuấn A1 với giá 2.000.000 đồng mỗi xe, hẹn khi nào mang giấy tờ đến sẽ bán. Tuấn A1 không biết hai xe này do phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định xe mô tô wave màu xanh biển kiểm soát 15N1-090.08 có biển kiểm soát thật là 16K4- 5333 của ông Bùi Hữu P (sinh năm 1960, trú tại tổ 20 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng), ông P bị mất trộm xe khoảng 11h ngày 17/6/2017 tại phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Xe mô tô biển kiểm soát 17F9-3451 là xe có nhãn hiệu Astrea màu xanh biển kiểm soát thật là 14F3- 0006 chủ đăng ký xe là anh Vũ Thành L2 (sinh 1976, trú tại tổ 5, khu 9A, phường BC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh). Anh L2 đã bán cho một người đàn ông tên Thuật, hiện chưa xác định được địa chỉ.

Giám định số khung, số máy của 10 xe trên không bị tẩy xóa, số còn nguyên T1, các biển kiểm soát 15B1- 430.05; 15B2- 568.68; 15B2- 129.09; 15B1- 393.86; 15AA- 019.60; 15F1- 053.54; 17F9- 3451; 34P8- 1641; 15N1- 090.08 và đăng ký xe mang tên Trương Văn C1 đều là giả.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 04/7/2017, số 39 ngày 13/7/2017, số 62 ngày 05/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND quận LC kết luận: Xe Nouvo LX, biển kiểm soát 15N1-090.08 của anh Phạm Văn H trị giá 8.000.000 đồng; xe Honda Airblade biển kiểm soát 15B1- 430.05 của anh Ngô Xuân K trị giá 30.000.000 đồng; xe Airblade biển kiểm soát 15D1-182.41 của anh Nguyễn Duy H2 trị giá 37.000.000 đồng; xe Yamaha Jupiter biển kiểm soát 053.54 của anh Đỗ Mạnh H1 trị giá 15.000.000 đồng; xe Vision biển kiểm soát 15B1-417.16 của anh Vũ Văn T2 trị giá 19.000.000 đồng; xe Bosscity dán tem Sirius

biển kiểm soát 15AA- 019.60 của chị Đồng Hồng Y trị giá 8.000.000 đồng; xe Wave RSX biển kiểm soát 34P8-1641 của anh Trần Thanh B trị giá 10.000.000 đồng; xe Wave biển kiểm soát 16K4-5333 của ông Bùi Hữu P trị giá 8.000.000 đồng; xe Yamaha Jupiter biển kiểm soát 16N6-8483 của anh Hoàng Hải N1 trị giá 14.000.000 đồng.

Người bị hại là các anh Vũ Văn T2, Phạm Văn H, Nguyễn Duy H2, Ngô Xuân K, Trần Thanh B, Đỗ Mạnh H1, Hoàng Hải N1 và chị Đồng Hồng Y đã nhận lại xe và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Đối với hành vi sử dụng biển số và đăng ký xe mô tô giả của Phạm Văn A, Nguyễn Tuấn A1, Đàm Minh T1, Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý hành chính theo quy định của Nghị định 46/2016/NĐ-CP của Chính Phủ.

Đối với vụ trộm cắp xe mô tô Jupiter, biển kiểm soát 16N6- 8483 của anh Hoàng Hải N1 và vụ trộm cắp xe mô tô Wave biển kiểm soát 16K4- 5333 của ông Bùi Hữu P, Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra nhưng chưa xác định được đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ khi nào xác định được đối tượng trộm cắp sẽ lập hồ sơ xử lý.

Đối với xe mô tô Astrea biển kiểm soát 14F3- 0006, do chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm chủ sở hữu và tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 153/CT-VKS-P3 ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Phạm Văn A và Đoàn Hồng V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Tuấn A1 và Đàm Minh T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị:

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn A;

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Hồng V;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hữu T;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Minh T1;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A1,

Xử phạt:

Phạm Văn A: Từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Đoàn Hồng V: Từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Trần Hữu T: Từ 24 đến 30 tháng tù.

Đàm Minh T1: Từ 36 đến 42 tháng tù.

Nguyễn Tuấn A1: Từ 30 đến 36 tháng tù.

** Về dân sự và vật chứng*: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và các tài liệu tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận:

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”:

Trong khoảng tháng 5 và tháng 6 năm 2017, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, Phạm Văn A, Đoàn Hồng V và Trần Hữu T đã nhiều lần lén lút sử dụng vạm phá khóa, bật lửa để phá ổ khóa, mở khóa điện xe mô tô nhằm chiếm đoạt tài sản của những người bị hại. Phạm Văn A đã tham gia 07 vụ chiếm đoạt 07 xe mô tô có tổng giá trị là 127.000.000 đồng, Đoàn Hồng V tham gia 05 vụ chiếm đoạt 05 xe mô tô có tổng giá trị là 89.000.000 đồng, Trần Hữu T tham gia 02 vụ chiếm đoạt 02 xe mô tô có tổng giá trị là 38.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Văn A, Đoàn Hồng V và Trần Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”:

Sau khi trộm cắp được xe mô tô, Phạm Văn A đã liên lạc và bán xe cho Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1. Chính vì, Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 biết rõ những chiếc xe mô tô do người khác phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên vẫn tiêu thụ, cụ thể: Nguyễn Tuấn A1 chuẩn bị tiền, còn Đàm Minh T1 trực tiếp liên hệ và mua 06 xe mô tô từ Phạm Văn A có tổng giá trị 108.000.000 đồng, tiêu thụ riêng 01 xe mô tô do trộm cắp của đối tượng khác trị giá 14.000.000 đồng. Tổng giá trị các xe Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 đã tiêu thụ là 122.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 250 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn A, Đoàn Hồng V và Trần Hữu T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người

khác. Hành vi của các bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Hành vi của các bị cáo gây tâm lý lo lắng, bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần phải xét xử nghiêm.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Phạm Văn A đã tham gia 07 vụ chiếm đoạt 07 xe mô tô có tổng giá trị là 127.000.000 đồng, Đoàn Hồng V tham gia 05 vụ chiếm đoạt 05 xe mô tô có tổng giá trị là 89.000.000 đồng, Trần Hữu T tham gia 02 vụ chiếm đoạt 02 xe mô tô có tổng giá trị là 38.000.000 đồng. Mặt khác, Phạm Văn A và Đoàn Hồng V đã cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đều lấy các lần phạm tội này làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Do vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Văn A và Đoàn Hồng V bị xét xử theo điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Hữu T chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Vật phạm pháp mà các bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 tiêu thụ có giá trị là 122.000.000 đồng. Do vậy, các bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về vai trò và hình phạt:

Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự.

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”:

- Bị cáo Phạm Văn A là người trực tiếp khởi xướng (trong một số vụ trộm cắp), thực hành tích cực (dùng xe mô tô chở các bị cáo khác, cảnh giới đề V, Tuyên dùng vạm phá khóa phá khóa), trực tiếp liên hệ để tiêu thụ tài sản, hưởng lợi nhiều nhất 12.500.000 đồng. Bị cáo tham gia chiếm đoạt 07 chiếc xe mô tô. Do vậy, vai trò của bị cáo cao hơn bị cáo V.

Bị cáo Đoàn Hồng V là người thực hành tích cực: Trực tiếp dùng vạm phá khóa để phá khóa xe mô tô, bị cáo được hưởng lợi 10.000.000 đồng. Bị cáo tham gia chiếm đoạt 05 chiếc xe mô tô.

Bị cáo Trần Hữu T là người thực hành tích cực: Trực tiếp dùng vạm phá khóa để phá khóa xe mô tô, bị cáo được hưởng lợi 6.000.000 đồng. Bị cáo tham gia chiếm đoạt 02 chiếc xe mô tô.

Nhân thân bị cáo Trần Hữu T có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (tội nghiêm trọng) chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo là: “Tái phạm”. Ngoài ra, bị cáo “Phạm tội nhiều lần” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, nhân thân bị cáo Phạm Văn A có 03 tiền án, nhân thân

bị cáo Đoàn Hồng V có 01 tiền án, mặc dù đều đã được xóa nhưng vẫn cần đánh giá là người có nhân thân không tốt.

Song cũng xét, sau khi phạm tội các bị cáo đều ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Phạm Văn A tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe máy đã chiếm đoạt của anh Vũ Văn T2. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Riêng bị cáo Phạm Văn A được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xử bị cáo Phạm Văn A mức án cao hơn bị cáo Đoàn Hồng V. Hành vi của bị cáo Trần Hữu T chỉ vi phạm khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự nên mức án sẽ thấp hơn bị cáo Phạm Văn A và Đoàn Hồng V. Tuy nhiên, cần xét xử các bị cáo ở mức cao trong khung hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo không có nghề nghiệp nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”:

Các bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 đều là người thực hành tích cực, có vai trò ngang nhau trong đó: Bị cáo T1 là người trực tiếp chủ động tìm mua xe (liên hệ trực tiếp với Phạm Văn A) và tìm người bán. Bị cáo Tuấn A1 là người cung cấp tiền, địa điểm để cất giấu xe, thay biên kiểm soát. Mỗi bị cáo đều được hưởng lợi 1.500.000 đồng.

Các bị cáo “Phạm tội nhiều lần” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Song cũng xét, sau khi phạm tội các bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Nguyễn Tuấn A1 đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt của anh Phạm Văn H. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A1 để xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Mặc dù hai bị cáo có vai trò ngang nhau nhưng bị cáo Nguyễn Tuấn A1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo Đàm Minh T1. Mặt khác, nhân thân bị cáo Tuấn A1 không có tiền án, tiền sự; bị cáo Đàm Minh T1 nhân thân có 01 tiền án, đã được xóa nhưng vẫn cần đánh giá là người có nhân thân không tốt. Do đó mức hình phạt của bị cáo T1 cao hơn bị cáo Tuấn A1. Tuy nhiên, cần xét xử các bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vì các bị cáo không có nghề nghiệp nên ngoài hình phạt chính, không cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đàm Minh T1 khai bán 02 xe mô tô cho chị Hà Thị AT do chị Tuyết xuống nhà bị cáo Nguyễn Tuấn A1 mua, bị cáo khẳng định chị Tuyết

biết rõ xe không có giấy tờ nhưng vẫn mua bị cáo Tuấn A1 cũng khai chi Tuyết đến nhà Tuấn A1 mua xe, không phải các bị cáo cầm cố. Chính vì vậy, kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi tiêu thụ của Hà Thị Ánh Tuyết, để tránh bỏ lọt người phạm tội.

* *Về dân sự*: Những người bị hại đã nhận lại được tài sản không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Văn A thu lời bất chính 12.500.000 đồng, bị cáo Đoàn Hồng V thu lời bất chính 10.000.000 đồng, bị cáo Trần Hữu T thu lời 6.000.000 đồng, bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 mỗi bị cáo thu lời 1.500.000 đồng. Đây là khoản tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

* *Về vật chứng*: Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 kim; 02 ống tuýp; 09 biển kiểm soát giả; 01 giấy đăng ký giả; 01 tay công; 03 đầu văm phá khóa; 02 sim điện thoại đều sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Đoàn Hồng V, Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 đều sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

* *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn A, Đoàn Hồng V và Trần Hữu T** đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo **Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1** đồng phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn A;

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Hồng V;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hữu T;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Minh T1;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A1,

Xử phạt:

1. Phạm Văn A: 60 (*Sáu mươi*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày 10/7/2017.

2. Đoàn Hồng V: 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2017

3. Trần Hữu T: 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày 23/7/2017.

4. Đàm Minh T1: 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày 02/7/2017.

5. Nguyễn Tuấn A1: 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính ngày 02/7/2017.

Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Hà Thị AT, tránh bỏ lọt người phạm tội.

** Về thu lợi bất chính và vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Bị cáo Phạm Văn A 12.500.000 (*Mười hai triệu năm trăm nghìn*) đồng

+ Bị cáo Đoàn Hồng V 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng.

+ Bị cáo Trần Hữu T 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng.

+ Bị cáo Đàm Minh T1 và Nguyễn Tuấn A1 mỗi bị cáo 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 03 (*Ba*) chiếc điện thoại di động.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (*Một*) kim; 02 (*Hai*) ống tuýp sắt; 09 (*Chín*) biên kiểm soát giả; 01 (*Một*) giấy đăng ký xe máy giả; 01 (*Một*) tay công; 03 (*Ba*) đầu vạm phá khóa; 02 (*Hai*) sim điện thoại.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành khoản tiền thu lợi bất chính nêu trên mà Bản án đã tuyên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Về án phí:* Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

** Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà